

Bản án số: 214/2019/HS-ST

Ngày: 29 - 11 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 217/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

1/- Trần Hoàng Đ, sinh năm: 1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: không có; Trú tại: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: nhà không số, ấp T, xã M, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng K và bà Nguyễn Thị Mỹ L; Chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 13/3/2013 Tòa án nhân dân quận Tân Phú xử phạt 02 năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (bản án số 50/2013/HSST); bị bắt tạm giam ngày: 17/8/2019; (Có mặt).

2/- Không Thị Phương T, sinh năm: 1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường N, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: nhà không số, ấp T, xã M, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Không Minh K và bà Lý Thị Bích L; Chưa có chồng; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày: 15/10/2019; (Có mặt).

Bị hại: 1/- Bà Lê Thảo L1, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: phường E, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 2/- Bà Nguyễn Hà Đan Th, sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú: đường O, Phường C, quận G; Thành phố Hồ Chí Minh;

(Vắng mặt).3/-Bà Võ Thị Ngọc L2, sinh năm 1975;Hộ khẩu thường trú: đường P, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lý Thị Bích L3, sinh năm 1958; Hộ khẩu thường trú: đường N, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: nhà không số, ấp T, xã M, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa năm 2018, Đ và T sống với nhau như vợ chồng tại nhà không số xã M, huyện H. Do cần tiền tiêu xài cả hai nảy sinh ra ý định sử dụng xe gắn máy cùng nhau tìm đến các tiệm vàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn Đ sẽ là người trực tiếp vào tiệm vàng gặp chủ tiệm vàng giả vờ hỏi mua vàng rồi chiếm đoạt, còn T thì ngồi trên xe máy đợi sẵn trước cửa tiệm. Sau khi Đ chiếm đoạt được vàng thì cùng T tẩu thoát. Với phương thức thủ đoạn như trên, Trần Hoàng Đ và Khổng Thị Phương T đã cùng nhau thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản cụ thể như sau:

Vụ Thứ nhất: khoảng 12 giờ 00 ngày 30.11.2018, Đ điều khiển xe mô tô Honda wave biển số 52T1-7855 chở T, khi đến tiệm vàng K tại phường Hiệp Thành, quận 12, nhìn thấy tiệm vàng vắng khách nên Đ dừng xe trước cửa tiệm vàng, ngồi trên xe nổ máy chờ sẵn, còn T đi vào bên trong tiệm vàng gặp chị Lê Thảo L1 (chủ tiệm vàng) hỏi mua dây chuyền. Chị L1 lấy sợi dây chuyền vàng 18k có trọng lượng 8,2 chỉ đưa cho T xem, T cầm sợi dây chuyền chị L1 đưa và yêu cầu chị L1 lấy thêm một sợi dây chuyền khác để xem thì chị L1 tiếp tục lấy một sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 01 lượng 7 chỉ đưa cho T. T cầm sợi dây chuyền chạy ra chỗ Đ đang đứng chờ rồi leo lên xe để Đ chở chạy thoát. Ngày 02.12.2018, Đ và T đem dây chuyền cướp giật được đến tiệm vàng P tại phường 14, quận Gò Vấp bán được số tiền 21.700.000 đồng. Số tiền này T cất giữ và cả hai cùng tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 00 ngày 21/12/2018 Đ điều khiển xe máy Honda Wave màu đỏ biển số: 52T1-7855 chở T đến tiệm vàng M tại phường 12, quận Gò Vấp. Khi đến nơi, Đ kêu T nổ máy xe cầm lái chờ sẵn, Đ vào trong tiệm vàng giả vờ hỏi mua vàng, khi chị L2 (chủ tiệm vàng) đưa cho Đ xem sợi dây chuyền vàng 18 trọng lượng 1.055 lượng, Đ cầm sợi dây chuyền rồi chạy ra chỗ T đang đứng chờ, lên xe để T chở chạy thoát. Khoảng hai ngày sau Đ cùng T đến tiệm vàng P tại phường 14, quận Gò Vấp bán sợi dây chuyền vàng chiếm đoạt của chị L2 được 14.500.000 đồng, số tiền này T cất giữ và cả hai đã tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ 30 ngày 24/02/2019, Đ thay biển số xe Honda Cub có số: 52T5 – 4773 vào xe gắn Wave màu đỏ (có biển số thật là: 52T1 – 7855) đồng thời lấy băng keo đen dán số 3 thành số 8 có T chứng kiến, khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì T điều khiển xe chở Đ đến tiệm vàng X. Khi đến nơi T nổ máy xe đợi sẵn ở ngoài còn Đ vào trong gặp chị Th giả vờ mua 01 sợi dây chuyền vàng. Khi chị Th đưa Đ 01 sợi dây chuyền vàng thì Đ chiếm đoạt bỏ chạy ra leo lên xe của T đang đợi sẵn để T chở

Đ chạy thoát. Khoảng 02 ngày sau Đ và T mang sợi dây chuyền vàng chiếm đoạt của chị Th đến tiệm vàng P bán được 16.800.000đồng, số tiền này cả hai đã tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số: 52T1 - 7855, số máy: HC08E0064322, số khung: Y06431. Qua xác minh do bà Lý Thị Bích L3 là mẹ ruột của T đứng tên chủ sở hữu (cơ quan điều tra đã trả cho bà L3).

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Cub có biển số: 52T5 - 4773, số máy: DH88XE - 1105793, số khung: DH88XF105830. Qua xác minh do bà Lý Thị Bích L3 đứng tên chủ sở hữu. Đ và T khai nhận khi thực hiện vụ “Cướp giật tài sản” tại tiệm vàng X thì Đ trao đổi biển số xe của chiếc xe Honda Cub có số: 52T5 - 4773 gắn vào xe Honda Wave nêu trên và có dùng băng keo đen dán số cuối của biển số từ số 3 thành số 8 nên dữ liệu camera ghi hình ghi nhận biển số xe mà Đ và T sử dụng khi gây án là: 54T2 - 4778 như nêu trên (cơ quan điều tra đã trả cho bà L3).

Tại cơ quan điều tra bà L3 khai hai chiếc xe gắn máy nêu trên do bà L3 đứng tên chủ sở hữu. Bà L3 để xe ở nhà cho T sử dụng làm phương tiện đi lại, việc T và Đ sử dụng xe làm phương tiện gây án bà L3 không biết.

Tại bản kết luận định giá tài sản 55/KL ngày 26.02.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận: giá trị sợi dây chuyền vàng 18k chữ cong ông trọng lượng là 1,055 lượng vàng tại thời điểm ngày 21.12.2018 là 25.390.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 75/KL ngày 18.3.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận: giá trị sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 17,46 chỉ vàng tại thời điểm ngày 24.02.2019 là 46.967.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 604/KL ngày 10.12.2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận: không đủ cơ sở định giá sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng trọng lượng 1,7 lượng và sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng trọng lượng 8,2 chỉ, do cơ quan điều tra công an quận 12 không cung cấp hóa đơn, chứng từ, giấy tờ, tài liệu liên quan đến tài sản cần định giá.

Tại cơ quan điều tra, anh Đặng Công D là chủ tiệm vàng P khai, do thời gian đã lâu nên không nhớ rõ việc có mua dây chuyền mà Đ và T đã chiếm đoạt nêu trên hay không. Do đó, cơ quan điều tra không thu hỏi được vật chứng và không có căn cứ để xử lý.

Ngày 9.11.2019, tại cơ quan điều tra bà Lý Thị Bích L3 là mẹ ruột của Không Thị Phương T đã thay T bồi thường cho chị Lê Thảo L1 số tiền 55.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Hà Đan Th (chủ tiệm vàng X) số tiền 40.000.000 đồng; bồi thường cho chị Võ Thị Ngọc L2 (chủ tiệm vàng M) số tiền 24.000.000 đồng. Chị L1, chị Th và chị L2 đã nhận đủ tiền, cam kết không thắc mắc khiếu nại gì khác.

Tại bản cáo trạng số 209/CTr-VKS, ngày 18/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Trần Hoàng Đ và Không Thị Phương T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử Đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều

51;điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Đ mức án từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm tù về tội “cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Khổng Thị Phương T mức án từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù.

- Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ 01 usb màu trắng 4G.

Tịch thu và tiêu hủy 01 nón lưỡi trai màu xanh dương nhạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Trần Hoàng Đ và Khổng Thị Phương T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Đối chiếu điều luật tương ứng do Bộ luật Hình sự quy định, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở pháp lý cho rằng hành vi của Trần Hoàng Đ và Khổng Thị Phương T phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt trừng trị được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, giữa nơi công cộng đông người qua lại các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra và bất

chấp cả sự trừng trị của pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài các bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản rất táo bạo và liều lĩnh. Chỉ trong thời gian từ tháng 11/2018 cho đến tháng 02/2019 các bị cáo đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản tại Quận 12 và quận Gò Vấp với tổng giá trị trên 50.000.000 đồng. Do vậy đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 và là tình tiết định khung được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn trong đó Đ là người rủ rê đề xướng việc giật tài sản của bị hại để kiếm tiền tiêu xài. Xét nhân thân bị cáo Đ đã từng bị xử lý về hành vi “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với mức án 02 năm tù, do đó bị cáo Đ phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm hỗ trợ cảnh giới và chở bị cáo Đ tẩu thoát sau khi thực hiện hành phạm tội do vậy bị cáo T cũng phải chịu mức án tương xứng với lỗi của mình. Vì vậy, cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi và tội lỗi của các bị cáo đã thực hiện. Cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giúp các bị cáo sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, tạo điều kiện cho các bị cáo học tập cải tạo lại mình thành người tốt hơn có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét một số tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Đối với bị cáo T gia đình đã tích cực bồi thường cho những bị hại và các bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần thiết cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo T.

[5] Về hình phạt bổ sung xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo đồng xét xử quyết định miễn phạt đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thảo L1, bà Nguyễn Hà Đan Th và bà Võ Thị Ngọc L2 vắng mặt. Nhưng qua hồ sơ thể hiện bà L1 đã nhận số tiền bồi thường 55.000.000 đồng, bà Th đã nhận số tiền bồi thường 40.000.000 đồng và bà L2 đã nhận số tiền bồi thường 24.000.000 đồng hiện không thắc mắc khiếu nại gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số: 52T1 - 7855. Qua xác minh do bà Lý Thị Bích L3 là mẹ ruột của T đứng tên chủ sở hữu (cơ quan điều tra đã trả cho bà L3).

- Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Honda Cub có biển số: 52T5 - 4773. Qua xác minh do bà Lý Thị Bích L3 đứng tên chủ sở hữu. Đ và T khai nhận khi thực hiện vụ

“Cướp giật tài sản” tại tiệm vàng X thì Đ trao đổi biển số xe của chiếc xe Honda Cub có số: 52T5 - 4773 gắn vào xe Honda Wave nêu trên và dùng băng keo đen dán số cuối của biển số từ số 3 thành số 8 nên dữ liệu camera ghi hình biển số xe mà Đ và T sử dụng khi gây án là: 54T2 - 4778 như nêu trên (cơ quan điều tra đã trả cho bà Loan).

Hội đồng xét xử xét thấy cả 02 xe đều có nguồn gốc rõ ràng khi Đ và T thực hiện hành vi phạm tội bà L3 không biết, việc cơ quan điều tra trả lại xe cho bà L3 là phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên tại phiên tòa hôm nay không đưa ra xem xét lại.

- Đối với 01 usb màu trắng 4G lưu giữ hình ảnh Đ và T thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ.

- Đối với 01 nón lưỡi trai màu xanh dương nhạt không còn giá trị sử dụng Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và tiêu hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng Đ và Khổng Thị Phương T phạm tội “Cướp giật tài sản”

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Đ 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/8/2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 171; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Khổng Thị Phương T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/10/2019.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ 01 usb màu trắng 4G.

- Tịch thu tiêu hủy 01 nón lưỡi trai màu xanh dương nhạt.

- (Theo phiếu nhập kho vật chứng 238/PNK, ngày 11/11/2019 của Công an quận Gò Vấp).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Các bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Những bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người CQLNVLQ
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoàng Ngọc Hải